



**Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring
Investments Việt Nam**

**Báo cáo tài chính
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**



Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam
Thông tin chung

**Giấy Chứng nhận Đăng ký chào
bán chứng chỉ quỹ ra công chúng**

70/GCN-UBCK cấp ngày 4 tháng 12 năm 2013

**Giấy Chứng nhận Đăng ký thành lập
Quỹ đầu tư đại chúng dạng quỹ mở**

09/GCN-UBCK cấp ngày 25 tháng 3 năm 2014

Giấy Chứng nhận Đăng ký thành lập Quỹ đầu tư đại chúng dạng quỹ mở do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp với thời gian hoạt động không xác định.

Ban Đại diện Quỹ

Ông Đinh Bá Thành
Ông Lê Văn Bé
Ông Đặng Thế Đức

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên

Công ty Quản lý Quỹ

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)

Trụ sở đăng ký

Tầng 23, Tòa nhà Saigon Trade Center
37 Tôn Đức Thắng
Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments (“Công ty Quản lý Quỹ”) chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam (“Quỹ”) theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành (“Thông tư 198”) về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, các quy định có liên quan của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành (“Thông tư 183”) về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở và của Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành (“Thông tư 15”) về sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư 183 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và trong trường hợp không tuân thủ, thuyết minh rõ các khác biệt trọng yếu trong các báo cáo tài chính; và
- lập các báo cáo tài chính theo giả định hoạt động liên tục trừ phi giả định này không còn phù hợp với Quỹ.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp được thiết lập và lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào, và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư 198, các quy định có liên quan của Thông tư 183 và của Thông tư 15 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp nhằm ngăn chặn và phát hiện những gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments cam kết rằng công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập báo cáo tài chính của Quỹ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Thay mặt Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments



Ông Ngô Thế Triệu
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 3 năm 2020

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

I. Thông tin chung về Quỹ

1. Mục tiêu của Quỹ:

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam (“Quỹ”) hướng đến việc gia tăng một cách ổn định và bền vững về vốn thông qua chiến lược đầu tư đa dạng hóa các loại tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ. Với phương pháp phân bổ tài sản linh hoạt này, Quỹ sẽ tận dụng các cơ hội gia tăng lợi nhuận khi thị trường tăng trưởng, đồng thời hạn chế rủi ro thất thoát vốn khi thị trường có những dấu hiệu không khả quan.

2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ:

Theo báo cáo tài chính của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm kết thúc cùng ngày, giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ tăng 11,91% so với giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

3. Chiến lược đầu tư của Quỹ:

Chiến lược đầu tư của Quỹ là “phân bổ tài sản hợp lý” và “chọn lựa Tài sản Mục tiêu”. Quỹ sẽ áp dụng chiến lược phân bổ và cơ cấu tài sản một cách năng động để ứng phó với tình hình kinh tế vĩ mô và diễn biến của thị trường nhằm bảo toàn vốn và tận dụng tăng trưởng giá trị quỹ khi có cơ hội. Cụ thể, cơ cấu tài sản của Quỹ như sau:

Loại tài sản	Tỷ lệ phân bổ
Cổ phiếu	0% - 100%
Trái phiếu	0% - 100%
Tiền và công cụ tiền tệ	0% - 49%

4. Phân loại Quỹ:

Quỹ hoạt động dưới hình thức quỹ đại chúng dạng quỹ mở và thời gian hoạt động không xác định.

5. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ được thành lập dưới hình thức quỹ đại chúng dạng quỹ mở theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập số 09/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp ngày 25 tháng 3 năm 2014.

6. Quy mô Quỹ tại ngày lập báo cáo

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019:

- Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành: 7.365.677,16 chứng chỉ quỹ
- Tổng giá trị chứng chỉ quỹ theo mệnh giá: 73.656.771.600 VND
- Tổng giá trị tài sản ròng: 147.300.297.566 VND

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

7. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Lợi nhuận của Quỹ được phân phối theo quyết định của Công ty Quản lý Quỹ và không có bất kỳ cam kết nào rằng lợi nhuận sẽ được phân phối. Nếu lợi nhuận được phân phối thì việc phân phối lợi nhuận của đợt đó không được hiểu là dự báo, dấu hiệu, khả năng phân phối lợi nhuận hay nội dung tương tự của Quỹ trong tương lai. Việc phân phối lợi nhuận của một đợt cụ thể không hàm ý sẽ có đợt phân chia lợi nhuận tương tự sau đó. Công ty Quản lý Quỹ có thể thay đổi tần suất và/hoặc mức lợi nhuận phân phối ít hơn so với số lợi tức của Quỹ.

Khi việc phân phối lợi nhuận Quỹ được tuyên bố và thực hiện, tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ sẽ được giảm đi tương ứng.

Lợi nhuận của Quỹ sẽ chỉ được phân phối khi Quỹ đã hoàn tất hoặc đủ khả năng tài chính để hoàn tất các nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác và Quỹ đã lập các quỹ dự phòng. Sau khi phân phối lợi nhuận, Quỹ phải đủ khả năng thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ đến hạn.

8. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối cho Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ Quỹ

Trong năm, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

II. Số liệu hoạt động

1. Cơ cấu tài sản của Quỹ:

Cơ cấu tài sản của Quỹ	31/12/2019	31/12/2018	31/12/2017
	(%)	(%)	(%)
Tiền và các khoản tương đương tiền	16,65	26,54	10,35
Các khoản đầu tư	82,90	72,08	88,58
Các khoản phải thu	0,45	1,38	1,07
Tổng	100,00	100,00	100,00

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

2. Chỉ tiêu hoạt động

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2018	31/12/2017
2.1. Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)	147.300.297.566	131.624.908.515	143.963.332.047
2.2. Tổng số Chứng chỉ quỹ đang lưu hành (Chứng chỉ quỹ)	7.365.677,16	7.347.986,78	7.360.647,49
2.3. Giá trị tài sản ròng/Chứng chỉ quỹ (VND)	19.998	17.913	19.559
2.4. Giá trị tài sản ròng/Chứng chỉ quỹ cao nhất trong năm (VND)	20.722	22.281	19.559
2.5. Giá trị tài sản ròng/Chứng chỉ quỹ thấp nhất trong năm (VND)	17.607	17.107	14.176
2.9. Tổng tăng trưởng giá trị tài sản ròng/Chứng chỉ quỹ (so với năm trước) (%)	11,64%	-8,42%	39,07%
2.13. Chi phí hoạt động của Quỹ/Giá trị tài sản ròng bình quân (%)	2,37%	2,31%	2,54%
2.14. Tốc độ vòng quay danh mục (%)	31,11%	54,40%	61,24%

3. Tăng trưởng qua các kỳ

Kỳ	Tổng tăng trưởng giá trị tài sản ròng/Chứng chỉ quỹ	Tăng trưởng giá trị tài sản ròng/Chứng chỉ quỹ hàng năm
- 1 năm (31/12/2018 – 31/12/2019)	11,64%	11,64%
- 3 năm (31/12/2016 – 31/12/2019)	42,19%	12,45%
- Từ khi thành lập (25/03/2014 – 31/12/2019)	99,98%	12,76%
- Tăng trưởng của chỉ số tham chiếu	Không có dữ liệu	Không có dữ liệu

4. Tăng trưởng hàng năm

Kỳ	31/12/2019 (%)	31/12/2018 (%)	31/12/2017 (%)	31/12/2016 (%)
Tỷ lệ tăng trưởng/ Chứng chỉ quỹ (%)	11,64	-8,42	39,07	16,64

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

III. Mô tả thị trường

Trong bối cảnh kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại, tăng trưởng ở Việt Nam vẫn được duy trì ở mức cao trong năm 2019. Tổng sản phẩm trong nước (“GDP”) năm 2019 tiếp tục đạt mức cao 7,02% so với mức tăng trưởng 7,08% năm 2018. Động lực tăng trưởng của Việt Nam vẫn từ ngành sản xuất, đặc biệt từ mảng sản xuất của khu vực nước ngoài và tiêu dùng trong nước.

Dòng vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài (“FDI”) vào Việt Nam vẫn tiếp tục tốt, tổng vốn FDI đăng ký mới tăng thêm trong năm 2019 đạt 38 tỷ USD, tăng 7% so với năm trước. Trong khi đó tổng vốn giải ngân FDI đạt 20,4 tỷ USD tăng 6,7% so với năm 2018. Đặc biệt vốn FDI vào ngành sản xuất và chế biến vẫn ở mức cao, chiếm 65% tổng vốn FDI. Ba nước có vốn đầu tư FDI vào Việt Nam nhiều nhất là Hàn Quốc, Hong Kong và Singapore.

Hoạt động thương mại vẫn tốt trong năm 2019 mặc dù thương mại toàn cầu suy giảm. Tính chung cả năm 2019, tăng trưởng xuất khẩu và nhập khẩu đạt lần lượt 8,0% và 7,0%. Thặng dư cán cân thương mại năm 2019 đạt 9,9 tỷ USD, tăng 46% so với năm 2018.

Trong bối cảnh lạm phát toàn cầu duy trì thấp, lạm phát ở Việt Nam cũng duy trì ổn định ở mức thấp với mức lạm phát trung bình đạt 2,8% trong năm 2019, là mức thấp trong nhiều năm. Tỷ giá cũng diễn biến tích cực, tỷ giá thị trường chỉ giảm khoảng 0,39% tính từ đầu năm 2019 nhờ dòng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam vẫn duy trì và thặng dư thương mại tốt.

Thị trường chứng khoán (chỉ số VN-Index) trong năm 2019 tương đối có nhiều biến động. Sau khi tăng mạnh 10,1% (đã bao gồm cổ tức) trong quý 1 năm 2019, VN-Index đã điều chỉnh giảm 2,5% trong quý 2 năm 2019. Sau đó VN-Index tăng trở lại 5,6% trong quý 3 năm 2019 và lại điều chỉnh giảm 3,1% trong quý cuối của năm. Thị trường chứng khoán đã mang lại mức lợi nhuận 9,8% cho nhà đầu tư (đã bao gồm lợi nhuận từ cổ tức) trong năm 2019.

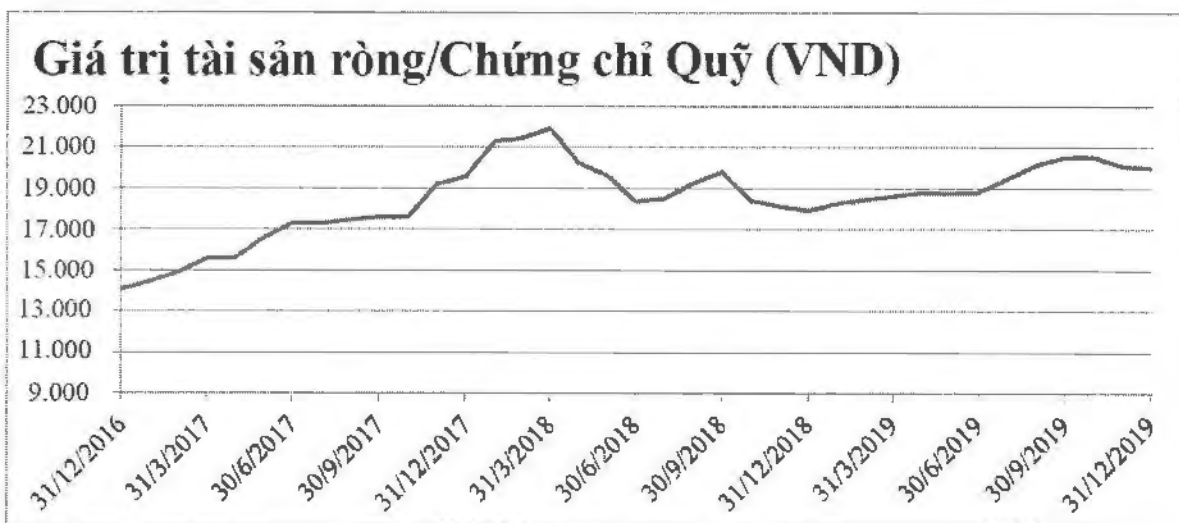
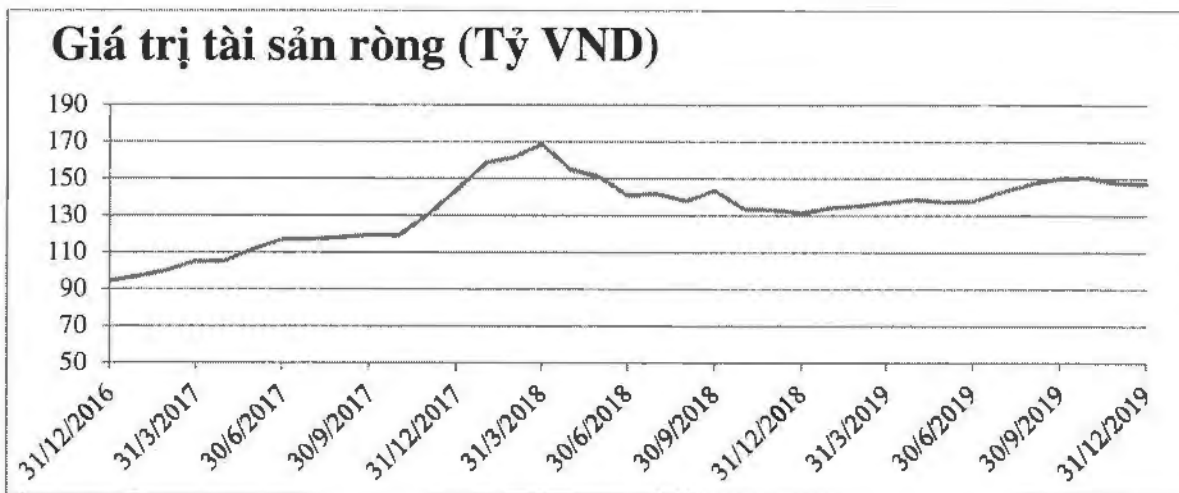
IV. Chi tiết các chỉ tiêu hoạt động của Quỹ

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

- Biểu đồ tăng trưởng của Quỹ trong 3 năm gần nhất

So với thời điểm thành lập quỹ, giá trị tài sản ròng của quỹ và giá trị tài sản ròng của quỹ trên một chứng chỉ quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã tăng tương ứng 176,87% và 99,98%.

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)



▪ Thay đổi về giá trị tài sản ròng

Chỉ tiêu	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND	Tỷ lệ thay đổi %
	[1]	[2]	[3]=([1] - [2])/[2]
Giá trị tài sản ròng	147.300.297.566	131.624.908.515	11,91
Giá trị tài sản ròng/Chứng chỉ Quỹ	19.998	17.913	11,64

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

2. Thống kê về nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ Quỹ tại ngày báo cáo

Quy mô nắm giữ (Số lượng chứng chỉ quỹ)	Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng Chứng chỉ Quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Dưới 5.000	155	111.273,34	1,51
Từ 5.000 đến dưới 10.000	10	69.005,74	0,94
Từ 10.000 đến dưới 50.000	19	368.460,73	5,00
Từ 50.000 đến dưới 500.000	3	556.240,56	7,55
Từ 500.000 trở lên	2	6.260.696,79	85,00
Tổng	189	7.365.677,16	100,00

V. Thông tin về triển vọng thị trường

Triển vọng tăng trưởng kinh tế trong năm 2020 được nhận định vẫn tiếp tục duy trì tích cực. Các yếu tố kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định, tạo nền tảng cho tăng trưởng ở mức cao. Việt Nam kỳ vọng được hưởng lợi từ việc dịch chuyển sản xuất do căng thẳng thương mại cũng như chính sách điều hành linh hoạt của chính phủ, mặc dù tăng trưởng toàn cầu bắt đầu phục hồi lại nhưng vẫn ở mức thấp.

Thị trường chứng khoán trong năm 2020 kỳ vọng sẽ tiếp tục được hỗ trợ bởi dòng tiền dồi dào, do xu hướng hạ lãi suất tại các thị trường toàn cầu, bao gồm Việt Nam, cùng với triển vọng nâng hạng thị trường và tăng trưởng lợi nhuận của các công ty niêm yết. Với các sức mạnh nội tại của nền kinh tế Việt Nam như nêu trên, Việt Nam sẽ là điểm sáng trong bối cảnh kinh tế toàn cầu chậm lại, căng thẳng chiến tranh thương mại, và các mâu thuẫn địa chính trị.

VI. Thông tin khác

1. Thông tin về nhân sự điều hành Quỹ, Ban Đại diện Quỹ và Ban điều hành Công ty Quản lý Quỹ

Trong năm, nhân sự điều hành Quỹ, Ban Đại diện Quỹ và Ban điều hành Công ty Quản lý Quỹ có những thay đổi như sau:

Tên	Chức vụ	Nội dung thay đổi
Nguyễn Thị Hồng Cẩm	Trưởng Bộ phận Thực hiện Giao dịch Đầu tư	Thôi nắm giữ chức vụ Trưởng Bộ phận kể từ ngày 16/5/2019

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, danh sách nhân sự điều hành Quỹ, Ban Đại diện Quỹ và Ban điều hành Công ty quản lý Quỹ bao gồm:

Tên	Chức vụ	Bằng cấp	Năm tham gia Công ty Quản lý Quỹ/Quỹ
Đình Bá Thành	Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ	Cử nhân Kiến trúc	2014

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

Tên	Chức vụ	Bằng cấp	Năm tham gia Công ty Quản lý Quỹ/Quỹ
Lê Văn Bé	Thành viên Ban Đại Diện Quỹ	Cử nhân Kinh tế	2014
Đặng Thế Đức	Thành viên Ban Đại Diện Quỹ	Cử nhân Luật	2014
Ngô Thế Triệu	Tổng Giám đốc kiêm Trưởng bộ phận Đầu tư	Thành viên Hiệp hội Phân tích Tài chính (CFA) Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh Thạc sĩ Quản trị Dự án Quốc tế	2007
Lê Nguyên Bình	Trưởng bộ phận Quản trị Quỹ	Cử nhân Kinh tế, Kế toán - Kiểm toán	2005
Phan Thị Anh Minh	Trưởng bộ phận Marketing và Quan hệ Đối ngoại	Cử nhân Kinh tế, Quản trị Kinh doanh Cử nhân Ngoại ngữ, tiếng Pháp ngoại	2005
Tổng Công Cường	Trưởng bộ phận Pháp chế và Kiểm soát Nội bộ	Thạc sĩ Luật Luật sư Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh	2012
Lê Minh Thủy	Trưởng bộ phận Tài chính và Quản trị Rủi ro	Cử nhân Kinh tế, Ngân hàng Tài chính Thành viên Hiệp hội Kế toán Công chứng Anh quốc (ACCA)	2013
Trần Trọng Phương Thảo	Trưởng bộ phận Nhân sự và Hành chính	Cử nhân Khoa học, Quản trị Kinh doanh Cử nhân Ngoại ngữ, Ngữ văn Anh	2005
Trần Thập Kiều Quân	Trưởng bộ phận Đầu tư trái phiếu	Cử nhân kinh tế, Tài chính tín dụng Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh Thành viên Hiệp hội Phân tích Tài chính (CFA)	2006
Lê Hoàng Vũ	Trưởng bộ phận Đầu tư cổ phiếu	Cử nhân kinh tế, Kế toán	2008

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

2. Thông tin khác

Các số liệu và thông tin liên quan trình bày tại báo cáo này được dựa vào kết quả của báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

Trong báo cáo này, các chỉ tiêu không trình bày được hiểu là không áp dụng hoặc có số dư bằng không.



Thay mặt Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

Ông Ngô Thế Triệu
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 3 năm 2020

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam
Báo cáo của Ngân hàng Giám sát

BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam (“Quỹ ENF” hay “Quỹ”) cho kỳ báo cáo năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong kỳ, Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- a) Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments (“CTQLQ”) đã tuân thủ các hạn chế đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về Quỹ mở, Điều lệ Quỹ và các văn bản pháp luật có liên quan;
- b) Việc định giá, đánh giá Giá trị Tài sản ròng của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật có liên quan;
- c) Phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật có liên quan;
- d) Trong năm, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư; và
- e) Công ty Quản lý quỹ đã tuân thủ các quy định về hạn chế vay, hạn chế giao dịch được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Điều lệ Quỹ và các văn bản pháp luật có liên quan.

Đại diện Ngân hàng Giám sát – Bộ phận Dịch vụ Chứng khoán HSBC
Thành Phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2020



Ninh Thị Tuệ Minh
Giám Đốc Dịch Vụ Quản Lý Quỹ

Lê Thị Hoàng Châu
Phó Phòng Nghiệp Vụ Bộ Phận Giám Sát Quỹ

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Tôi, Đinh Bá Thành, Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ và thay mặt cho Nhà đầu tư của Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam (“Quỹ”), phê duyệt báo cáo tài chính đính kèm của Quỹ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, các quy định có liên quan của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở và của Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư 183 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ


Ông Đinh Bá Thành
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 3 năm 2020



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Nhà đầu tư Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam (“Quỹ”), bao gồm báo cáo tình hình tài chính, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng và giao dịch chứng chỉ quỹ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt phát hành ngày 5 tháng 3 năm 2020, được trình bày từ trang 15 đến trang 60.

Trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ đối với báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments (“Công ty Quản lý Quỹ”) chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, các quy định có liên quan của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành (“Thông tư 183”) về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở và của Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư 183 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu các báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong các báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ liên quan tới việc lập và trình bày các báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, về tình hình tài chính của Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, các quy định có liên quan của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở và của Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư 183 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 19-01-00346-20-1



Hà Mỹ Đình

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0414-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Trần Thị Lê Hằng

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số N.3782-2017-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 3 năm 2020

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam
Báo cáo thu nhập cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B01 - QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

STT	Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	2019 VND	2018 VND
I	THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	01		18.630.257.012	(9.312.506.166)
1.1	Cổ tức được chia	02		3.440.560.530	2.468.055.268
1.2	Tiền lãi được nhận	03		3.256.791.532	2.075.726.516
1.3	Lãi bán các khoản đầu tư	04	13	10.757.332.409	7.811.644.591
1.4	Chênh lệch tăng/(giảm) đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	05	14	1.175.572.541	(21.667.932.541)
II	CHI PHÍ ĐẦU TƯ	10		132.493.630	227.073.559
2.1	Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	11	15	132.493.630	227.073.559
III	CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ	20		3.238.697.606	3.155.160.239
3.1	Phí quản lý Quỹ	20.1	19	2.129.536.362	2.201.298.977
3.2	Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ	20.2	19	112.824.370	126.285.336
3.3	Phí dịch vụ giám sát Quỹ	20.3	19	31.233.195	32.285.717
3.4	Phí dịch vụ quản trị Quỹ	20.4	19	54.658.097	56.500.003
3.5	Phí dịch vụ Đại lý chuyên nhượng	20.5	19	197.482.032	206.253.835
3.7	Chi phí họp, Đại hội Quỹ mở	20.7		3.687.471	(49.813.188)
3.8	Chi phí kiểm toán	20.8		387.254.981	386.738.019
3.10	Chi phí hoạt động khác	20.10	16	322.021.098	195.611.540
IV	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ (23 = 01 - 10 - 20)	23		15.259.065.776	(12.694.739.964)
VI	TỔNG LỢI NHUẬN/(LỖ) KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (30 = 23)	30		15.259.065.776	(12.694.739.964)
6.1	Lợi nhuận đã thực hiện	31		14.083.493.235	8.973.192.577
6.2	Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện	32		1.175.572.541	(21.667.932.541)
VIII	LỢI NHUẬN/(LỖ) KẾ TOÁN SAU THUẾ TRONG NĂM (41 = 30)	41		15.259.065.776	(12.694.739.964)

Ngày 5 tháng 3 năm 2020

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

Người lập:



Bà Lê Thị Thúy Phương
 Quản lý cấp cao, Bộ phận Quản trị Quỹ

Người duyệt:



Ông Ngô Thế Triệu
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B02 – QM
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
 ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)*

STT	Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND
I	TÀI SẢN				
1	Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	110	4	25.237.302.523	35.356.442.305
1.1	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ	111		5.175.658.687	2.781.925.049
1.2	Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	112		20.061.643.836	32.574.517.256
2	Các khoản đầu tư	120		125.591.227.004	96.038.368.738
2.1	Các khoản đầu tư	121	5	125.591.227.004	96.038.368.738
3	Các khoản phải thu	130		676.065.560	1.840.420.080
3.1	Phải thu về bán các khoản đầu tư	131	6	-	1.267.822.409
3.2	Tiền lãi và cổ tức phải thu	133	7	676.065.560	572.597.671
	TỔNG TÀI SẢN (100 = 110 + 120 + 130)	100		151.504.595.087	133.235.231.123
II	NỢ PHẢI TRẢ				
2	Phải trả về mua các khoản đầu tư	312	8	3.120.960.429	910.824.190
3	Phải trả cho các Đại lý phân phối Chứng chỉ Quỹ	313		2.340.000	1.260.000
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		554.937	253.316
6	Chi phí phải trả	316	9	398.488.988	379.191.021
8	Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ Quỹ	318		463.008.449	116.674.492
9	Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	319	10	218.944.718	202.119.589
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ (300 = 312 + 313 + 314 + 316 + 318 + 319)	300		4.204.297.521	1.610.322.608

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B02 – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND
III	GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ (400 = 100 - 300)	400		147.300.297.566	131.624.908.515
1	Vốn góp của Nhà đầu tư	411	11	73.656.771.600	73.479.867.800
1.1	Vốn góp phát hành	412		104.171.803.400	101.696.924.400
1.2	Vốn góp mua lại	413		(30.515.031.800)	(28.217.056.600)
2	Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư	414	11	6.457.526.853	6.218.107.378
3	Lợi nhuận chưa phân phối	420	12	67.185.999.113	51.926.933.337
IV	GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ (430 = 400/004)	430		19.998	17.913
VI	CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH			31/12/2019 CCQ	31/12/2018 CCQ
1	Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	004	18	7.365.677,16	7.347.986,78

Ngày 5 tháng 3 năm 2020

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

Người lập:



Bà Lê Thị Thúy Phượng
 Quản lý cấp cao, Bộ phận Quản trị Quỹ

Người duyệt:



Ông Ngô Thế Triệu
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng và giao dịch chứng chỉ quỹ cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B03 – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

STT	Chỉ tiêu	2019 VND	2018 VND
I	Giá trị tài sản ròng của Quỹ (“NAV”) đầu năm	131.624.908.515	143.963.332.047
II	Thay đổi NAV của Quỹ trong năm	15.259.065.776	(12.694.739.964)
	<i>Trong đó:</i>		
II.1	Thay đổi NAV của Quỹ do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ trong năm	15.259.065.776	(12.694.739.964)
III	Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ	416.323.275	356.316.432
	<i>Trong đó:</i>		
III.1	Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ	4.770.076.500	19.484.192.698
III.2	Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ quỹ	(4.353.753.225)	(19.127.876.266)
IV	Giá trị tài sản ròng của Quỹ cuối năm (IV = I + II + III)	147.300.297.566	131.624.908.515

Ngày 5 tháng 3 năm 2020

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

Người lập:



Bà Lê Thị Thúy Phương
 Quản lý cấp cao, Bộ phận Quản trị Quỹ

Người duyệt:



Ông Ngô Thế Triệu
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam
Báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B04 – QM
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
 ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)*

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý tại ngày 31/12/2019 VND/cổ phiếu	Tổng giá trị tại ngày 31/12/2019 VND	Tỷ lệ %/ Tổng giá trị tài sản của Quỹ
I	Cổ phiếu niêm yết			86.656.335.400	57,20%
	ACB	157.581	22.800	3.592.846.800	2,37%
	BSR	48.600	8.200	398.520.000	0,26%
	CTG	661.510	20.900	13.825.559.000	9,13%
	FPT	186.022	58.300	10.845.082.600	7,16%
	HCM	1.540	21.350	32.879.000	0,02%
	ITC	249.450	17.000	4.240.650.000	2,80%
	KBC	375.560	15.450	5.802.402.000	3,83%
	LHG	271.790	15.400	4.185.566.000	2,76%
	MBB	760.543	20.800	15.819.294.400	10,44%
	MWG	80.190	114.000	9.141.660.000	6,03%
	NT2	4	21.650	86.600	0,00%
	PC1	2	17.500	35.000	0,00%
	PNJ	32.306	86.000	2.778.316.000	1,83%
	POW	479.600	11.450	5.491.420.000	3,62%
	SSI	880	18.050	15.884.000	0,01%
	TCB	38.880	23.550	915.624.000	0,61%
	TCM	153.545	19.200	2.948.064.000	1,95%
	TYA	223.389	14.000	3.127.446.000	2,07%
	VNM	30.000	116.500	3.495.000.000	2,31%

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam
Báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B04 – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

STT	Loại tài sản	Tổng giá trị tại ngày 31/12/2019 VND	Tỷ lệ %/ Tổng giá trị tài sản của Quỹ
IV	Đầu tư khác	38.934.891.604	25,70%
	Tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Á Châu	31.934.891.604	21,08%
	Tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	7.000.000.000	4,62%
V	Các tài sản khác	676.065.560	0,44%
	Tiền lãi và cổ tức phải thu	676.065.560	0,44%
VI	Tiền gửi ngân hàng	25.237.302.523	16,66%
	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ	5.175.658.687	3,42%
	Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	20.061.643.836	13,24%
VII	Tổng giá trị danh mục	151.504.595.087	100,00%

Ngày 5 tháng 3 năm 2020

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

Người lập:



Bà Lê Thị Thúy Phương
 Quản lý cấp cao, Bộ phận Quản trị Quỹ

Người duyệt:



Ông Ngô Thế Triệu
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B05 – QM
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)*

STT	Chi tiêu	Mã số	2019 VND	2018 VND
I	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1	Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế trong năm	01	15.259.065.776	(12.694.739.964)
3	Điều chỉnh cho các thay đổi của vốn lưu động	05		
	(Tăng)/giảm các khoản đầu tư	06a	(29.552.858.266)	32.201.544.162
	Giảm/(tăng) phải thu từ bán các khoản đầu tư	06b	1.267.822.409	(891.919.674)
	(Tăng)/giảm tiền lãi và cổ tức phải thu	07	(103.467.889)	602.038.658
	Tăng phải trả về mua các khoản đầu tư	10	2.210.136.239	910.824.190
	Tăng phải trả các Đại lý phân phối			
	Chứng chỉ Quỹ	11	1.080.000	(33.083.000)
	Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	301.621	245.837
	Tăng/(giảm) phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ Quỹ	15	346.333.957	(7.470.384)
	Tăng/(giảm) chi phí phải trả	16	19.297.967	(61.475.791)
	Tăng/(giảm) phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	17	16.825.129	(9.078.785)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	20	(10.535.463.057)	20.016.885.249
II	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1	Tiền thu từ phát hành chứng chỉ Quỹ	31	4.770.076.500	19.484.192.698
2	Tiền chi mua lại chứng chỉ Quỹ	32	(4.353.753.225)	(19.127.876.266)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	30	416.323.275	356.316.432
III	TIỀN THUẦN TRONG NĂM (40 = 20 + 30)	40	(10.119.139.782)	20.373.201.681

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
 (Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B05 – QM
 (Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
 ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

STT	Chỉ tiêu	Mã số	2019 VND	2018 VND
IV	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	50	35.356.442.305	14.983.240.624
	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ	51	2.781.925.049	10.878.675.402
	- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	52	32.574.517.256	4.104.565.222
V	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	55	25.237.302.523	35.356.442.305
	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ	57	5.175.658.687	2.781.925.049
	- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	57	20.061.643.836	32.574.517.256
VI	Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong năm (60 = 55 - 50)	60	(10.119.139.782)	20.373.201.681

Ngày 5 tháng 3 năm 2020

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

Người lập:



Bà Lê Thị Thúy Phượng
 Quản lý cấp cao, Bộ phận Quản trị Quỹ

Người duyệt:



Ông Ngô Thế Triệu
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B06 – QM
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Thông tin về Quỹ

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam (“Quỹ”) được thành lập dưới hình thức quỹ đại chúng dạng quỹ mở theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập số 09/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp ngày 25 tháng 3 năm 2014.

Theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Thành lập Quỹ, tổng số vốn điều lệ của Quỹ là 53.203.406.730 VND, tương đương với 5.320.340,67 chứng chỉ Quỹ và không bị giới hạn về thời gian hoạt động. Quỹ hoạt động theo Điều lệ Quỹ ban hành vào ngày 26 tháng 9 năm 2013 và các sửa đổi bổ sung vào ngày 15 tháng 4 năm 2016 và ngày 26 tháng 4 năm 2018.

Mục tiêu chính của Quỹ là hướng đến việc gia tăng ổn định về vốn thông qua chiến lược đầu tư đa dạng hóa các loại tài sản. Chiến lược đầu tư tài sản của Quỹ sẽ được phân bổ một cách linh hoạt nhằm tận dụng các cơ hội gia tăng lợi nhuận khi thị trường tăng trưởng, đồng thời hạn chế rủi ro thất thoát vốn khi thị trường có những dấu hiệu không khả quan. Công ty Quản lý Quỹ thực hiện việc đầu tư của Quỹ bằng các hình thức đầu tư mà pháp luật hiện hành cho phép. Ngoài ra, mục tiêu của Quỹ có thể được thay đổi hoàn toàn theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải đảm bảo:

- a. Trừ tiền gửi thanh toán của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát, Quỹ không được đầu tư quá bốn mươi chín phần trăm (49%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tiền gửi tại các ngân hàng thương mại; ngoại tệ, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá và công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
- b. Quỹ không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tiền gửi tại các ngân hàng thương mại; ngoại tệ, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật; cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; cổ phiếu và trái phiếu chuẩn bị niêm yết hoặc đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam, trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành nếu các tài sản này được phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau;
- c. Quỹ không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, kể cả các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu (trừ trái phiếu Chính phủ), cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu ưu đãi không có quyền biểu quyết và trái phiếu chuyển đổi;
- d. Quỹ không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ trái phiếu Chính phủ;

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC

ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

- e. Quỹ không đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tài sản là cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết hoặc đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam, trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
- f. Tổng giá trị các danh mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- g. Tại mọi thời điểm, tổng giá trị dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- h. Quỹ không được đầu tư vào các quỹ đầu tư chứng khoán, cổ phiếu của các công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam;
- i. Quỹ không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý và kim loại quý hiếm; và
- j. Danh mục đầu tư của Quỹ phải có chứng khoán của ít nhất sáu (06) tổ chức phát hành.

Trừ trường hợp quy định tại điểm g, h, i, cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch chỉ do các nguyên nhân như sau:

- a. Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- b. Thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của Quỹ;
- c. Thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
- d. Hoạt động hợp nhất, sáp nhập, thu tóm các tổ chức phát hành;
- e. Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ; hoặc
- f. Quỹ đang trong thời gian giải thể.

Quỹ được định giá hàng tuần và hàng tháng. Ngày định giá là ngày thứ Sáu hàng tuần đối với kỳ định giá tuần và ngày làm việc đầu tiên của tháng tiếp theo đối với kỳ định giá tháng. Giá trị tài sản ròng được xác định vào ngày định giá cho các kỳ giao dịch hoặc cho các kỳ báo cáo theo quy định của pháp luật hoặc cho các mục đích khác. Trong trường hợp ngày định giá của kỳ định giá hàng tuần rơi vào ngày lễ thì việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ sẽ không được thực hiện trong kỳ định giá đó. Quỹ thực hiện giao dịch chứng chỉ Quỹ một (01) tuần một lần vào ngày thứ Sáu hàng tuần. Trong trường hợp ngày giao dịch là ngày lễ thì Quỹ sẽ không thực hiện giao dịch trong tuần đó.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments, là công ty quản lý quỹ được thành lập tại Việt Nam. Quỹ được giám sát bởi Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam).

Địa chỉ liên hệ của Quỹ là tầng 23, tòa nhà Sai Gon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, các quy định có liên quan của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành (“Thông tư 183”) về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở và của Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư 183 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính đính kèm được lập không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính và kết quả hoạt động của Quỹ theo nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán được áp dụng ở Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán quỹ mở, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm các báo cáo sau :

- | | |
|---|------------------|
| ▪ Báo cáo thu nhập: | Mẫu B01 - QM; |
| ▪ Báo cáo tình hình tài chính: | Mẫu B02 - QM; |
| ▪ Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng và giao dịch chứng chỉ quỹ: | Mẫu B03 - QM; |
| ▪ Báo cáo danh mục đầu tư: | Mẫu B04 - QM; |
| ▪ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ: | Mẫu B05 - QM; và |
| ▪ Các thuyết minh báo cáo tài chính: | Mẫu B06 - QM. |

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính của Quỹ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ và những khoản mục được trình bày trong Thuyết minh 3(c) được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Quỹ là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Quỹ là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

(e) Hình thức sổ kế toán

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký chung.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty Quản lý Quỹ áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Quỹ thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo thu nhập của Quỹ.

(b) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba (03) tháng tại ngân hàng. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, và không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị.

(c) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, chỉ bao gồm giá mua mà không bao gồm các khoản chi phí liên quan đến việc mua các khoản đầu tư đó như phí môi giới, phí giao dịch và phí ngân hàng và được đánh giá lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo phương pháp xác định giá trị nêu tại Thuyết minh 3(c)(iii). Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo thu nhập.

Tiền gửi có kỳ hạn

Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(i) Phân loại

Quỹ phân loại các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng mà Quỹ dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

(ii) Ghi nhận

Quỹ ghi nhận các khoản đầu tư tại ngày giao dịch.

(iii) Xác định giá trị

Theo Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở và Thông tư số 15/2016 /TT-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 183, các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ được đánh giá lại theo giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất hoặc giá thị trường có nhiều biến động, Quỹ được sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các khoản đầu tư của Quỹ. Giá trị hợp lý được xác định theo nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được quy định tại điều lệ Quỹ hoặc chính sách định giá của Quỹ. Khoản đầu tư chứng khoán được đánh giá lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

Trái phiếu

- Trái phiếu niêm yết
 - Giá trị thị trường là giá yết trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế, giá yết này phải là giá giao dịch chính thức (giá outright) tại Sở Giao dịch Chứng Khoán;
 - Do thị trường trái phiếu Việt Nam chưa hoàn thiện, tần suất giao dịch thấp, thanh khoản chưa cao và thông tin giá cả không được cập nhật thường xuyên hoặc chênh lệch lớn theo thời gian hoặc giữa các bên tham gia thị trường. Do đó, vì bất kỳ lý do nào, trái phiếu niêm yết không có giá giao dịch chính thức (giá outright) tại Sở Giao dịch Chứng Khoán nhiều hơn mười bốn (14) ngày tính đến ngày định giá, giá trái phiếu niêm yết là giá chào mua (bid-price basis) được định giá và được cung cấp bởi các tổ chức dịch vụ cung cấp báo giá độc lập, uy tín trên thị trường như: Interactive Data Corporation, Markit, Reuters hoặc Bloomberg.
 - Interactive Data Corporation sẽ là tổ chức ưu tiên số một trong việc cung cấp dịch vụ định giá trái phiếu niêm yết. Nếu Interactive Data Corporation không thể cung cấp giá của trái phiếu niêm yết, việc sử dụng định giá của các tổ chức khác theo thứ tự ưu tiên như sau: Markit, Reuters hoặc Bloomberg hoặc các phương pháp định giá khác được đề cập dưới đây, sẽ được cân nhắc và áp dụng, tuy nhiên với điều kiện giá cuối cùng có sẵn (giá cũ) được sử dụng đã vượt quá thời gian chín mươi (90) ngày và có sự chấp thuận của Ban định giá nội bộ về việc thay đổi này.

Quý Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B06 – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

- Trong trường hợp không có báo giá trị trường thì giá trị của trái phiếu niêm yết mới được mua sẽ là giá mua và giá này sẽ được sử dụng cho tới khi có giá giao dịch chính thức (giá outright) hoặc giá chào mua được định giá bởi tổ chức cung cấp báo giá ưu tiên số 1. Việc sử dụng giá cũ này phải được giám sát và tuân theo chính sách sử dụng giá cũ. Trong khi đó, giá trị của trái phiếu niêm yết khác được xác định theo các thứ tự ưu tiên sau:
 - Giá cuối cùng có sẵn (giá cũ) được sử dụng cho tới khi có giá giao dịch chính thức (giá outright) hoặc giá chào mua được định giá bởi tổ chức cung cấp báo giá ưu tiên số 1. Việc sử dụng giá cũ này phải được giám sát và tuân theo chính sách sử dụng giá cũ;
 - Giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá phù hợp được phê duyệt bởi Ban Định giá nội bộ hoặc Ban Đại diện Quỹ;
 - Mệnh giá cộng lãi lũy kế;
 - Giá mua cộng lãi lũy kế.
- Trái phiếu không niêm yết bao gồm các trái phiếu không giao dịch thông qua sàn giao dịch hoặc giao dịch không thường xuyên như: trái phiếu có lãi suất cao, trái phiếu tổ chức không giao dịch thường xuyên, nợ tư.
 - Giá trị thị trường là giá chào mua (bid-price basis) được định giá gần nhất và được cung cấp bởi các tổ chức dịch vụ cung cấp báo giá uy tín trên thị trường như Interactive Data Corporation, Markit, Reuters hoặc Bloomberg.
 - Interactive Data Corporation sẽ là tổ chức ưu tiên số một trong việc cung cấp dịch vụ định giá trái phiếu không niêm yết. Nếu Interactive Data Corporation không thể cung cấp giá của trái phiếu không niêm yết, việc sử dụng định giá của các tổ chức khác theo thứ tự ưu tiên như sau: Markit, Reuters hoặc Bloomberg hoặc các phương pháp định giá khác được đề cập tại điều dưới đây, sẽ được cân nhắc và áp dụng, tuy nhiên với điều kiện giá cuối cùng có sẵn (giá cũ) được sử dụng đã vượt quá thời gian chín mươi (90) ngày và có sự chấp thuận của Ban định giá nội bộ về việc thay đổi này.
 - Trong trường hợp không có báo giá trị trường thì giá trị của trái phiếu không niêm yết mới được mua sẽ là giá mua và giá này sẽ được sử dụng cho tới khi có giá giao dịch chính thức (giá outright) hoặc giá chào mua được định giá bởi tổ chức cung cấp báo giá ưu tiên số 1. Việc sử dụng giá cũ này phải được giám sát và tuân theo chính sách sử dụng giá cũ. Trong khi đó, giá trị của trái phiếu không niêm yết khác được xác định theo các thứ tự ưu tiên sau:
 - Giá cuối cùng có sẵn (giá cũ) được sử dụng cho tới khi có giá giao dịch chính thức (giá outright) hoặc giá chào mua được định giá bởi tổ chức cung cấp báo giá ưu tiên số 1. Việc sử dụng giá cũ này phải được giám sát và tuân theo chính sách sử dụng giá cũ;
 - Giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá phù hợp được phê duyệt bởi Ban Định giá nội bộ hoặc Ban Đại diện Quỹ;
 - Mệnh giá cộng lãi lũy kế;
 - Giá mua cộng lãi lũy kế.

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B06 – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

Cổ phiếu

- Cổ phiếu niêm yết bao gồm cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán công ty đại chúng chưa được niêm yết (“Upcom”).
 - Giá trị thị trường sẽ được xác định là giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.
 - Trong trường hợp không có báo giá trị trường, giá của cổ phiếu niêm yết được xác định theo các thứ tự ưu tiên như sau:
 - Giá cuối cùng có sẵn (giá cũ). Việc sử dụng giá cũ này phải được giám sát và tuân theo chính sách sử dụng giá cũ;
 - Giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá phù hợp được phê duyệt bởi Ban Định giá nội bộ hoặc Ban Đại diện Quỹ;
 - Giá trị sổ sách theo báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;
 - Giá mua.
- Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch; cổ phiếu chưa niêm yết.
 - Công ty Quản lý Quỹ được quyền chỉ định năm (05) công ty chứng khoán không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát để cung cấp giá cho mỗi lần định giá.
 - Danh sách công ty chứng khoán được chỉ định, tuy nhiên Công ty Quản lý Quỹ có quyền thay đổi chỉ định theo từng thời điểm và việc thay đổi danh sách chỉ định này phải được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận, bao gồm như sau:
 - Danh sách ưu tiên số 1: bao gồm ba (03) công ty chứng khoán.
 - Danh sách ưu tiên số 2: bao gồm hai (02) công ty chứng khoán.
 - Giá trị thị trường được xác định dựa trên giá trung bình cung cấp bởi ba (03) công ty chứng khoán và phải đáp ứng các điều kiện sau:
 - Giá được báo là giá giao dịch tại các công ty chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá; hoặc
 - Giá được báo là giá chào mua tại ngày gần nhất trước ngày định giá nếu các cổ phiếu chưa niêm yết không có giá giao dịch; và
 - Giá được báo không được cũ hơn chín mươi (90) ngày tính tới ngày ngày định giá.
 - Trong trường hợp Công ty Quản lý Quỹ nhận báo giá từ tất cả các công ty chứng khoán, Công ty Quản lý Quỹ ưu tiên sử dụng báo giá của ba (03) công ty chứng khoán trong danh sách ưu tiên số 1.

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

- Trong trường hợp Công ty Quản lý Quỹ nhận được báo giá từ hai (02) công ty nằm trong danh sách ưu tiên số 1 hoặc ít hơn, thì báo giá thứ ba được Công ty Quản lý Quỹ sử dụng là báo giá thấp hơn giữa báo giá của các công ty chứng khoán khác trong danh sách ưu tiên số 2.
- Trong trường hợp khác khi Công ty Quản lý Quỹ không có đủ báo giá hợp lệ của tối thiểu ba (03) công ty chứng khoán trong một ngày định giá nào đó cho một cổ phiếu chưa niêm yết nhất định, thì cổ phiếu này được định giá bằng bất kỳ phương pháp định giá phù hợp khác được Ban Đại diện Quỹ hoặc Ban Định giá nội bộ chấp thuận.
- **Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản.**
Giá trị thị trường được xác định theo các thứ tự ưu tiên như sau:
 - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày kết thúc kỳ kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc
 - Giá xác định theo phương pháp được Ban Đại diện Quỹ hoặc Ban Định giá nội bộ chấp thuận.
- **Cổ phần và phần góp vốn khác.**
Giá trị của các cổ phần và phần góp vốn khác được xác định như sau:
 - Giá trị vốn góp; hoặc
 - Giá trị sổ sách theo báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán; hoặc
 - Giá xác định theo phương pháp được Ban Đại diện Quỹ hoặc Ban Định giá nội bộ chấp thuận.

Chứng khoán phái sinh

Giá trị thị trường của chứng khoán phái sinh niêm yết được xác định bằng giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá. Trong trường hợp không thể lấy được giá giao dịch hợp lý trên hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán vào ngày định giá, giá chứng khoán phái sinh niêm yết sẽ được định giá và cung cấp bởi các công ty dịch vụ cung cấp giá độc lập, uy tín trên thị trường như Interactive Data Corporation (nguồn ưu tiên) hoặc Markit, hoặc Reuters hoặc Bloomberg.

Trong trường hợp không có báo giá thị trường, giá của chứng khoán phái sinh niêm yết sẽ được xác định theo phương pháp được Ban đại diện Quỹ hoặc Ban định giá nội bộ chấp thuận.

Các tài sản khác được phép đầu tư

Giá xác định theo phương pháp định giá quy định trong sổ tay định giá và được Ban Đại diện Quỹ và Ban Định giá nội bộ phê duyệt.

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B06 – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

(iv) Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận đồng tiền từ khoản đầu tư đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu các khoản đầu tư đó.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu về bán các khoản đầu tư, phải thu và dự thu cổ tức và tiền lãi các khoản đầu tư. Các khoản phải thu được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Các khoản phải trả

Các khoản phải trả bao gồm phải trả về mua các khoản đầu tư, phải trả cho Nhà đầu tư, phải trả dịch vụ quản lý Quỹ và các khoản phải trả khác. Các khoản phải trả được thể hiện theo giá gốc.

(f) Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Quỹ có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu đồng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(g) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Quỹ và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Quỹ phân loại các công cụ tài chính của Quỹ như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Quỹ phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

- là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Quỹ xếp tài sản tài chính vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Quỹ có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Quỹ xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập;
- các tài sản tài chính đã được Quỹ xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Quỹ có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Quỹ xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập;
- các khoản được Quỹ xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Quỹ nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải đo suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B06 – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

- Nợ phải trả tài chính được Quỹ phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Quỹ xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(h) Thuế

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức trong các giao dịch sau:

Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo các quy định thuế hiện hành.

Giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ, kê khai và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ từ những tổ chức nước ngoài theo quy định của pháp luật. Mức thuế áp dụng là 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015, Thông tư 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 và Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành. Đối với nhà đầu tư là tổ chức trong nước, Công ty Quản lý Quỹ sẽ không giữ lại khoản thuế này và đối tượng này phải có trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế cho Nhà nước theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành.

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

(i) Vốn góp và thặng dư vốn

Vốn góp của nhà đầu tư

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại.

Vốn góp phát hành

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn đầu tư của Quỹ do các nhà đầu tư góp vốn vào Quỹ theo phương thức mua chứng chỉ quỹ trong lần phát hành lần đầu ra công chúng và các lần giao dịch chứng chỉ quỹ tiếp theo sau khi Quỹ thành lập hoặc theo phương thức chuyển đổi chứng chỉ quỹ của các quỹ mở khác thuộc sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ với chứng chỉ quỹ của Quỹ.

Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá của chứng chỉ quỹ.

Vốn góp mua lại

Vốn góp mua lại phản ánh tình hình mua lại chứng chỉ quỹ của các Nhà đầu tư tại các kỳ giao dịch chứng chỉ quỹ sau khi Quỹ thành lập hoặc theo phương thức chuyển đổi chứng chỉ quỹ của Quỹ với chứng chỉ quỹ của các quỹ mở khác thuộc sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ.

Vốn góp mua lại được phản ánh theo mệnh giá của chứng chỉ quỹ.

Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư

Thặng dư vốn góp phản ánh chênh lệch giữa giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ và mệnh giá trên một chứng chỉ quỹ được phát hành/mua lại.

(j) Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu với tổng các khoản chi phí của Quỹ lũy kế phát sinh trong năm (không bao gồm chênh lệch tăng/(giảm) đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện).

Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện là tổng giá trị lãi/(lỗ) đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ lũy kế phát sinh trong năm.

Cuối kỳ kế toán năm, Quỹ xác định lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện và lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện trong năm và ghi nhận vào “Lợi nhuận chưa phân phối” trên báo cáo tình hình tài chính.

Lợi nhuận/tài sản đã phân phối cho nhà đầu tư

Lợi nhuận/tài sản đã phân phối cho nhà đầu tư phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối cho nhà đầu tư trong năm.

Quỹ ghi nhận lợi nhuận/tài sản đã phân phối cho nhà đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ mở và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

(k) Chứng chỉ Quỹ và Giá trị tài sản ròng có thể phân phối cho Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ

Chứng chỉ quỹ có thể được Nhà đầu tư bán lại cho Quỹ vào các ngày giao dịch để đổi lại một lượng tiền tương ứng dựa trên giá trị tài sản ròng có thể phân phối cho nhà đầu tư đang nắm giữ chứng chỉ quỹ tại ngày trước ngày giao dịch.

Quỹ phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ tại các ngày giao dịch được công bố dựa trên giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ. Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được tính bằng cách chia giá trị tài sản ròng của Quỹ cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày trước ngày giao dịch.

Tất cả các chứng chỉ quỹ phát hành cho Nhà đầu tư đều có các quyền biểu quyết, quyền hưởng cổ tức, quyền được bán lại và các quyền khác như nhau. Mỗi chứng chỉ quỹ đã phát hành tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp thường niên của Quỹ và có quyền được hưởng cổ tức mà Quỹ công bố vào từng thời điểm.

Giá trị tài sản ròng có thể phân phối cho nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ mở đồng thời cũng phản ánh lợi nhuận chưa phân phối, vốn góp của Nhà đầu tư và thặng dư vốn góp. Trong đó, vốn góp của Nhà đầu tư của Quỹ bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư phản ánh chênh lệch giữa thu/chi thực tế từ việc phát hành/mua lại chứng chỉ quỹ dựa trên tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ và mệnh giá trên một chứng chỉ quỹ. Lợi nhuận chưa phân phối của Quỹ bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Quỹ chỉ được sử dụng phần lợi nhuận đã thực hiện lũy kế của năm trước trừ đi lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lợi nhuận để phân phối cho Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ. Việc phân phối lợi nhuận của Quỹ phải thực hiện theo đúng quy định của luật chứng khoán hiện hành áp dụng đối với quỹ mở, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Quỹ, Bản cáo bạch và Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư.

(l) Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng tương đối chắc chắn nhận được các lợi ích kinh tế và các khoản doanh thu này có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

(i) Thu nhập lãi tiền gửi, lãi trái phiếu và cổ tức

Thu nhập lãi tiền gửi và lãi trái phiếu được ghi nhận trong báo cáo thu nhập trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi không chắc chắn.

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức của Quỹ được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là thu nhập.

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

(ii) Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi Quỹ nhận được Thông báo kết quả giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Lưu ký (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(m) Chi phí

Các khoản chi phí được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi phát sinh.

(n) Giá trị tài sản ròng trên mỗi chứng chỉ Quỹ

Giá trị tài sản ròng trên mỗi chứng chỉ Quỹ được tính bằng cách chia giá trị tài sản ròng của Quỹ cho số lượng chứng chỉ Quỹ đang lưu hành tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá trị tài sản ròng được xác định bằng cách lấy tổng tài sản trừ đi tổng nợ phải trả.

(o) Báo cáo bộ phận

Quỹ hoạt động như một bộ phận đầu tư tại Việt Nam.

(p) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Quỹ nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Quỹ và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

Các quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ được xem là các bên liên quan với Quỹ theo quy định tại Luật Chứng khoán.

(q) Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở không được thể hiện trong báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

4. Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền thể hiện tiền gửi bằng Đồng Việt Nam vào thời điểm cuối năm tại các ngân hàng sau đây:

	31/12/2019	31/12/2018
	VND	VND
Tiền gửi không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ		
▪ Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)	5.175.658.687	2.781.925.049
Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng		
▪ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	4.500.000.000
▪ Ngân hàng TMCP Á Châu	-	28.074.517.256
▪ Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	20.061.643.836	-
	<hr/>	<hr/>
	20.061.643.836	32.574.517.256
	<hr/>	<hr/>
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	25.237.302.523	35.356.442.305

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, tiền gửi tại ngân hàng có kỳ hạn không quá ba tháng hưởng lãi suất năm là 5,0% (31/12/2018: 6,0%). Trong trường hợp Quỹ rút trước ngày đáo hạn, các khoản tiền gửi có kỳ hạn này hưởng lãi suất theo chính sách của ngân hàng áp dụng cho trường hợp rút trước ngày đáo hạn.

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
 ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)*

5. Các khoản đầu tư

Tất cả các công ty được đầu tư thể hiện trên Báo cáo danh mục đầu tư đều được thành lập và hoạt động tại Việt Nam.

Quỹ không tham gia vào các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động hàng ngày của các công ty được Quỹ đầu tư. Theo đó, Quỹ không có ý định kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đến các công ty được đầu tư và do đó các khoản đầu tư của Quỹ được ghi nhận theo chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh 3(c), thay vì được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu hay hợp nhất.

Chi tiết các khoản đầu tư chứng khoán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018 được trình bày như sau:

	Giá mua VND [1]	Giá thị trường VND [2]	Chênh lệch tăng lũy kế do đánh giá lại VND [3]	Giá trị đánh giá lại VND [4] = [1] + [3]
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019				
Cổ phiếu niêm yết	78.409.308.448	86.656.335.400	8.247.026.952	86.656.335.400
Tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Á Châu có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến dưới 12 tháng	31.934.891.604	31.934.891.604	-	31.934.891.604
Tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến dưới 12 tháng	7.000.000.000	7.000.000.000	-	7.000.000.000
	117.344.200.052	125.591.227.004	8.247.026.952	125.591.227.004

Quý Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

	Giá mua VND [1]	Giá thị trường VND [2]	Chênh lệch tăng lũy kế do đánh giá lại VND [3]	Giá trị đánh giá lại VND [4] = [1] + [3]
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018				
Cổ phiếu niêm yết	66.449.005.539	73.520.459.950	7.071.454.411	73.520.459.950
Tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam có kỳ hạn trên 12 tháng	14.000.000.000	14.000.000.000	-	14.000.000.000
Tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến dưới 12 tháng	8.517.908.788	8.517.908.788	-	8.517.908.788
	88.966.914.327	96.038.368.738	7.071.454.411	96.038.368.738

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

6. Phải thu về bán các khoản đầu tư

	31/12/2019	31/12/2018
	VND	VND
Phải thu về bán cổ phiếu niêm yết	-	1.267.822.409

Phải thu về bán các khoản đầu tư thể hiện số tiền phải thu từ bán cổ phiếu niêm yết được nhận sau hai ngày làm việc kể từ ngày giao dịch (T+2) theo thông lệ kinh doanh chứng khoán hiện hành tại Việt Nam.

7. Tiền lãi và cổ tức phải thu

	31/12/2019	31/12/2018
	VND	VND
Dự thu cổ tức chưa đến ngày nhận	18.770.000	50.587.600
Dự thu tiền lãi chưa đến ngày nhận	657.295.560	522.010.071
	676.065.560	572.597.671

8. Phải trả về mua các khoản đầu tư

	31/12/2019	31/12/2018
	VND	VND
Phải trả về mua các khoản đầu tư	3.120.960.429	910.824.190

Phải trả về mua các khoản đầu tư bao gồm các khoản phải trả để mua cổ phiếu niêm yết mà các khoản phải trả này sẽ được thanh toán sau hai ngày làm việc kể từ ngày giao dịch (T+2) theo thông lệ kinh doanh chứng khoán hiện hành tại Việt Nam.

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)*

9. Chi phí phải trả

	31/12/2019	31/12/2018
	VND	VND
Phí kiểm toán	319.275.000	319.275.019
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	63.000.000	45.000.002
Phí họp đại hội	16.213.988	14.916.000
	<hr/>	<hr/>
	398.488.988	379.191.021
	<hr/>	<hr/>

10. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ

	31/12/2019	31/12/2018
	VND	VND
Phải trả phí quản lý Quỹ	186.726.516	170.814.714
Phải trả phí lưu ký tài sản Quỹ	7.769.059	8.182.589
Phải trả phí quản trị Quỹ	4.792.647	4.384.244
Phải trả phí dịch vụ đại lý chuyên nhượng	16.917.842	16.232.759
Phải trả phí giám sát Quỹ	2.738.654	2.505.283
	<hr/>	<hr/>
	218.944.718	202.119.589
	<hr/>	<hr/>

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)*

11. Vốn góp của Nhà đầu tư

Căn cứ theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ đầu tư đại chúng dạng quỹ mở số 09/GCN-UBCK ngày 25 tháng 3 năm 2014, vốn điều lệ của Quỹ là 53.203.406.730 VND tương ứng với 5.320.340,67 chứng chỉ Quỹ theo mệnh giá 10.000 Đồng Việt Nam trên một chứng chỉ Quỹ. Do Quỹ hoạt động theo hình thức quỹ mở nên vốn góp của Quỹ và số lượng chứng chỉ quỹ thay đổi sau mỗi kỳ giao dịch chứng chỉ quỹ.

Biến động vốn góp của Nhà đầu tư cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

	Đơn vị	Tại ngày 31/12/2018 VND	Biến động trong năm VND	Tại ngày 31/12/2019 VND
Vốn góp phát hành				
Số lượng (1)	CCQ	10.169.692,44	247.487,90	10.417.180,34
NAV bình quân (2) = (5) / (1)	VND	11.616	19.274	11.798
Giá trị ghi theo mệnh giá (3)	VND	101.696.924.400	2.474.879.000	104.171.803.400
Thặng dư vốn góp phát hành (4)	VND	16.432.259.267	2.295.197.500	18.727.456.767
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ Quỹ (5) = (3) + (4)	VND	118.129.183.667	4.770.076.500	122.899.260.167
Vốn góp mua lại				
Số lượng (6)	CCQ	(2.821.705,66)	(229.797,52)	(3.051.503,18)
NAV bình quân (7) = (10) / (6)	VND	13.620	18.946	14.021
Giá trị ghi theo mệnh giá (8)	VND	(28.217.056.600)	(2.297.975.200)	(30.515.031.800)
Thặng dư vốn góp mua lại (9)	VND	(10.214.151.889)	(2.055.778.025)	(12.269.929.914)
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ Quỹ (10) = (8) + (9)	VND	(38.431.208.489)	(4.353.753.225)	(42.784.961.714)
Tổng thặng dư vốn góp (11) = (4) + (9)	VND	6.218.107.378	239.419.475	6.457.526.853
Số lượng chứng chỉ Quỹ đang lưu hành (12) = (1) + (6)	CCQ	7.347.986,78	17.690,38	7.365.677,16
Giá trị vốn góp hiện hành (13) = (5) + (10)	VND	79.697.975.178	416.323.275	80.114.298.453
NAV hiện hành/Chứng chỉ Quỹ (14)	VND	17.913	2.085	19.998

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)*

12. Lợi nhuận chưa phân phối

	2019	2018
	VND	VND
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	51.926.933.337	64.621.673.301
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế trong năm	15.259.065.776	(12.694.739.964)
<i>Trong đó</i>		
▪ <i>Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối</i>	<i>14.083.493.235</i>	<i>8.973.192.577</i>
▪ <i>Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện</i>	<i>1.175.572.541</i>	<i>(21.667.932.541)</i>
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	67.185.999.113	51.926.933.337

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

13. Lãi bán các khoản đầu tư

2019

Danh mục các khoản đầu tư	Tổng giá trị bán VND [1]	Giá vốn hình quân VND [2]	Lãi bán chứng khoán cho năm kết thúc ngày 31/12/2019 VND [3] = [1] – [2]	Lãi bán chứng khoán lũy kế đầu năm VND [4]	Lãi bán chứng khoán lũy kế đến ngày 31/12/2019 VND [5] = [3] + [4]
Cổ phiếu niêm yết	43.566.135.000	32.808.802.591	10.757.332.409	34.211.318.749	44.968.651.158

2018

Danh mục các khoản đầu tư	Tổng giá trị bán VND [1]	Giá vốn bình quân VND [2]	Lãi bán chứng khoán cho năm kết thúc ngày 31/12/2018 VND [3] = [1] – [2]	Lãi bán chứng khoán lũy kế đầu năm VND [4]	Lãi bán chứng khoán lũy kế đến ngày 31/12/2018 VND [5] = [3] + [4]
Cổ phiếu niêm yết	87.766.925.830	79.955.281.239	7.811.644.591	26.399.674.158	34.211.318.749
Trái phiếu niêm yết	-	-	-	2.749.539.383	2.749.539.383
	87.766.925.830	79.955.281.239	7.811.644.591	29.149.213.541	36.960.858.132

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

14. Chênh lệch tăng/(giảm) đánh giá lại các khoản đầu tư
2019

Danh mục các khoản đầu tư	Giá trị mua theo sổ kế toán VND [1]	Giá trị trường tại ngày 31/12/2019 VND [2]	Chênh lệch tăng đánh giá lại tại ngày 31/12/2019 VND [3] = [2] – [1]	Chênh lệch tăng đánh giá lại tại ngày 31/12/2018 VND [4]	Chênh lệch tăng đánh giá lại các khoản đầu tư được ghi nhận cho năm 2019 VND [5] = [3] – [4]
Cổ phiếu niêm yết	78.409.308.448	86.656.335.400	8.247.026.952	7.071.454.411	1.175.572.541

2018

Danh mục các khoản đầu tư	Giá trị mua theo sổ kế toán VND [1]	Giá trị trường tại ngày 31/12/2018 VND [2]	Chênh lệch tăng đánh giá lại tại ngày 31/12/2018 VND [3] = [2] – [1]	Chênh lệch tăng đánh giá lại tại ngày 31/12/2017 VND [4]	Chênh lệch giảm đánh giá lại các khoản đầu tư được ghi nhận cho năm 2018 VND [5] = [3] – [4]
Cổ phiếu niêm yết	66.449.005.539	73.520.459.950	7.071.454.411	28.739.386.952	(21.667.932.541)

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)***15. Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư**

	2019 VND	2018 VND
Chi phí giao dịch mua các khoản đầu tư (a)	67.144.421	91.715.519
Chi phí giao dịch bán các khoản đầu tư (b)	65.349.209	135.358.040
	<hr/>	<hr/>
	132.493.630	227.073.559
	<hr/>	<hr/>

(a) Chi phí giao dịch mua các khoản đầu tư

	2019 VND	2018 VND
Chi phí giao dịch mua cổ phiếu niêm yết	67.144.421	91.715.519
	<hr/>	<hr/>

(b) Chi phí giao dịch bán các khoản đầu tư

	2019 VND	2018 VND
Chi phí giao dịch bán cổ phiếu niêm yết	65.349.209	135.358.040
	<hr/>	<hr/>

16. Chi phí hoạt động khác

	2019 VND	2018 VND
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	251.999.998	180.000.000
Phí ngân hàng	7.321.600	5.611.540
Chi phí hoạt động khác	62.699.500	10.000.000
	<hr/>	<hr/>
	322.021.098	195.611.540
	<hr/>	<hr/>

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM
 (Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
 ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

17. Giá trị tài sản ròng

Kỳ	Ngày tính NAV	Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]	Cho năm kết thúc ngày 31/12/2019		Tăng/(giảm) NAV/ICCCQ VND/CCQ
			Số lượng chứng chỉ Quỹ CCQ [2]	NAV/ICCCQ tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]	
1	03/01/2019	129.373.185.522	7.347.986,78	17.607	-
2	10/01/2019	131.608.146.799	7.348.128,34	17.910	303
3	17/01/2019	131.260.423.952	7.339.674,76	17.884	(26)
4	24/01/2019	132.809.760.708	7.353.098,13	18.062	178
5	31/01/2019	134.125.478.460	7.341.509,92	18.269	207
6	14/02/2019	136.587.081.023	7.341.509,92	18.605	336
7	21/02/2019	136.910.281.074	7.332.399,91	18.672	67
8	28/02/2019	135.288.213.867	7.335.069,68	18.444	(228)
9	07/03/2019	138.416.514.491	7.339.394,11	18.859	415
10	14/03/2019	140.162.686.676	7.355.253,91	19.056	197
11	21/03/2019	137.848.117.697	7.348.320,55	18.759	(297)
12	28/03/2019	136.324.876.599	7.349.383,50	18.549	(210)
13	31/03/2019	136.987.732.765	7.360.133,40	18.612	63
14	04/04/2019	138.270.528.544	7.360.133,40	18.786	174
15	11/04/2019	137.734.134.347	7.378.708,40	18.666	(120)
16	18/04/2019	136.574.782.491	7.364.338,76	18.545	(121)
17	25/04/2019	137.618.547.114	7.377.185,80	18.655	110
18	30/04/2019	138.615.559.388	7.377.185,80	18.790	135
19	02/05/2019	138.614.486.262	7.377.185,80	18.790	-
20	09/05/2019	135.664.709.557	7.377.185,80	18.390	(400)
21	16/05/2019	137.592.663.607	7.322.954,65	18.789	399
22	23/05/2019	139.982.075.766	7.323.485,27	19.114	325
23	30/05/2019	138.959.779.665	7.321.223,46	18.980	(134)
24	31/05/2019	137.289.217.818	7.319.633,64	18.756	(224)
25	06/06/2019	136.472.167.570	7.319.633,64	18.645	(111)
26	13/06/2019	136.732.272.728	7.302.124,22	18.725	80
27	20/06/2019	137.908.624.590	7.323.825,61	18.830	105
28	27/06/2019	136.719.252.905	7.323.825,61	18.668	(162)
29	30/06/2019	137.782.305.731	7.324.359,67	18.812	144
30	04/07/2019	139.761.059.610	7.324.359,67	19.082	270
31	11/07/2019	141.014.377.319	7.322.562,52	19.258	176
32	18/07/2019	141.804.249.059	7.300.814,22	19.423	(1.299)
33	25/07/2019	143.550.593.801	7.316.213,48	19.621	198
34	31/07/2019	142.784.782.726	7.331.457,35	19.476	(145)
35	01/08/2019	142.922.689.847	7.331.457,35	19.494	18
36	08/08/2019	144.294.812.186	7.320.013,20	19.712	218
37	15/08/2019	146.383.052.026	7.310.648,62	20.023	311
38	22/08/2019	147.256.801.845	7.311.080,67	20.142	119
39	29/08/2019	147.199.561.161	7.311.575,65	20.132	(10)
40	31/08/2019	147.268.278.383	7.311.575,65	20.142	10

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B06 – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)*

Kỳ	Ngày tính NAV	Cho năm kết thúc ngày 31/12/2019			
		Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]	Số lượng chứng chỉ Quỹ CCQ [2]	NAV/1CCQ tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]	Tăng/(giảm) NAV/1CCQ VND/CCQ
41	05/09/2019	146.067.715.473	7.311.575,65	19.978	(164)
42	12/09/2019	148.248.324.504	7.328.867,83	20.228	250
43	19/09/2019	149.740.601.785	7.324.808,97	20.443	215
44	26/09/2019	149.977.994.067	7.324.808,97	20.475	32
45	30/09/2019	150.212.977.992	7.322.089,75	20.515	40
46	03/10/2019	150.052.175.536	7.322.089,75	20.493	(22)
47	10/10/2019	149.646.533.333	7.322.089,75	20.438	(55)
48	17/10/2019	150.412.564.067	7.322.431,22	20.541	103
49	24/10/2019	150.750.632.093	7.323.157,57	20.585	44
50	31/10/2019	150.447.592.921	7.330.422,56	20.524	(61)
51	07/11/2019	151.902.146.164	7.330.422,56	20.722	198
52	14/11/2019	150.429.113.334	7.330.422,56	20.521	(201)
53	21/11/2019	148.988.398.870	7.330.422,56	20.325	(196)
54	28/11/2019	147.170.473.965	7.342.863,93	20.043	(282)
55	30/11/2019	147.711.428.038	7.354.299,69	20.085	42
56	05/12/2019	146.381.428.917	7.354.299,69	19.904	(181)
57	12/12/2019	146.886.229.408	7.344.800,59	19.999	95
58	19/12/2019	145.167.975.116	7.344.339,79	19.766	(233)
59	26/12/2019	147.082.002.184	7.369.559,86	19.958	192
60	31/12/2019	147.300.297.566	7.365.677,16	19.998	40
Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm		141.984.174.517			
Mức cao nhất của NAV trên một Chứng chỉ quỹ trong năm				20.722	
Mức thấp nhất của NAV trên một Chứng chỉ quỹ trong năm				17.607	

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

Kỳ	Ngày tính NAV	Cho năm kết thúc ngày 31/12/2018			
		Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]	Số lượng chứng chỉ Quỹ CCQ [2]	NAV/ICCCQ tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]	Tăng/(giảm) NAV/ICCCQ VND/CCQ
1	04/01/2018	147.738.811.548	7.360.647,49	20.071	-
2	11/01/2018	150.053.890.245	7.364.621,37	20.375	304
3	18/01/2018	150.163.116.665	7.373.996,42	20.364	(11)
4	25/01/2018	156.692.511.765	7.459.346,41	21.006	642
5	31/01/2018	158.586.790.742	7.451.255,33	21.283	277
6	01/02/2018	157.153.763.128	7.451.255,33	21.091	(192)
7	08/02/2018	151.720.525.419	7.495.217,47	20.242	(849)
8	22/02/2018	156.951.821.614	7.509.529,59	20.900	658
9	28/02/2018	161.267.165.703	7.527.656,67	21.423	523
10	01/03/2018	164.766.663.993	7.527.656,67	21.888	465
11	08/03/2018	164.047.664.295	7.559.334,44	21.701	(187)
12	15/03/2018	165.712.474.600	7.581.916,55	21.856	155
13	22/03/2018	167.911.443.924	7.650.228,66	21.949	93
14	29/03/2018	166.743.215.905	7.664.945,85	21.754	(195)
15	31/03/2018	168.655.395.097	7.699.226,67	21.905	151
16	05/04/2018	171.545.926.420	7.699.226,67	22.281	376
17	12/04/2018	170.283.132.836	7.689.574,49	22.145	(136)
18	19/04/2018	162.682.527.556	7.742.347,64	21.012	(1.133)
19	26/04/2018	150.690.377.573	7.602.991,21	19.820	(1.192)
20	30/04/2018	154.841.299.216	7.653.796,95	20.231	411
21	03/05/2018	154.492.908.577	7.653.796,95	20.185	(46)
22	10/05/2018	153.267.857.471	7.647.702,59	20.041	(144)
23	17/05/2018	156.729.464.423	7.667.810,72	20.440	399
24	24/05/2018	153.586.608.476	7.716.899,26	19.903	(537)
25	31/05/2018	151.067.605.904	7.700.603,32	19.618	(285)
26	07/06/2018	156.162.533.705	7.686.702,98	20.316	698
27	14/06/2018	151.840.367.882	7.661.826,19	19.818	(498)
28	21/06/2018	144.899.672.821	7.659.807,81	18.917	(901)
29	28/06/2018	141.708.714.016	7.668.819,36	18.479	(438)
30	30/06/2018	140.759.835.514	7.668.819,36	18.355	(124)
31	05/07/2018	131.656.428.199	7.668.819,36	17.168	(1.187)
32	12/07/2018	131.041.487.222	7.660.107,19	17.107	(61)
33	19/07/2018	140.327.970.931	7.658.198,59	18.324	1.217
34	26/07/2018	138.600.304.988	7.662.007,24	18.089	(235)
35	31/07/2018	141.751.482.798	7.662.007,24	18.501	412
36	02/08/2018	141.648.476.957	7.662.007,24	18.487	(14)
37	09/08/2018	143.462.497.750	7.662.007,24	18.724	237
38	16/08/2018	144.503.097.484	7.654.757,83	18.878	154
39	23/08/2018	146.084.538.368	7.654.827,51	19.084	206
40	30/08/2018	138.154.773.902	7.133.969,58	19.366	282
41	31/08/2018	137.871.209.563	7.157.674,44	19.262	(104)
42	06/09/2018	134.457.037.457	7.157.674,44	18.785	(477)
43	13/09/2018	138.106.269.899	7.228.293,31	19.106	321

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B06 – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)*

Kỳ	Ngày tính NAV	Cho năm kết thúc ngày 31/12/2018			
		Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]	Số lượng chứng chỉ Quỹ CCQ [2]	NAV/ICCCQ tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]	Tăng/(giảm) NAV/ICCCQ VND/CCQ
44	20/09/2018	141.244.103.242	7.227.994,57	19.541	435
45	27/09/2018	143.490.862.621	7.253.505,03	19.782	241
46	30/09/2018	143.578.725.389	7.254.419,75	19.792	10
47	04/10/2018	143.679.130.224	7.254.419,75	19.806	14
48	11/10/2018	135.606.030.783	7.254.549,49	18.693	(1.113)
49	18/10/2018	136.599.731.084	7.270.820,11	18.787	94
50	25/10/2018	131.475.967.380	7.270.940,55	18.082	(705)
51	31/10/2018	133.611.098.852	7.266.825,30	18.386	304
52	01/11/2018	132.340.911.315	7.266.825,30	18.212	(174)
53	08/11/2018	132.732.830.192	7.267.372,74	18.264	52
54	15/11/2018	131.296.208.707	7.338.446,64	17.892	(372)
55	22/11/2018	33.844.357.681	7.338.446,64	18.239	347
56	29/11/2018	132.737.175.261	7.338.446,64	18.088	(151)
57	30/11/2018	133.109.271.612	7.339.273,43	18.137	49
58	06/12/2018	136.418.318.454	7.339.273,43	18.587	450
59	13/12/2018	36.559.476.052	7.355.365,32	18.566	(21)
60	20/12/2018	133.086.958.551	7.355.365,32	18.094	(472)
61	27/12/2018	131.819.903.422	7.346.875,43	17.942	(152)
62	31/12/2018	131.624.908.515	7.347.986,78	17.913	(29)
Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm		146.536.219.869			
Mức cao nhất của NAV trên một Chứng chỉ quỹ trong năm				22.281	
Mức thấp nhất của NAV trên một Chứng chỉ quỹ trong năm				17.107	

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
 ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)*

18. Số lượng chứng chỉ Quỹ đang lưu hành

	31/12/2019	31/12/2018
	CCQ	CCQ
Số lượng chứng chỉ Quỹ đang lưu hành trong vòng 1 năm	242.115,36	832.794,59
Số lượng chứng chỉ Quỹ đang lưu hành quá 1 năm	7.123.561,80	6.515.192,19
	7.365.677,16	7.347.986,78

19. Các bên liên quan và các hợp đồng then chốt

(a) Các bên liên quan

Giao dịch với Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments, Công ty Quản lý Quỹ

	2019	2018
	VND	VND
Phí quản lý Quỹ	2.129.536.362	2.201.298.977

Theo Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ được nhận phí quản lý Quỹ là 1,5% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ (2018: 1,5% một năm). Bất kỳ thay đổi của tỷ lệ phí quản lý Quỹ phải được phê duyệt trong Đại hội Nhà đầu tư nhằm đảm bảo tổng phí quản lý Quỹ và các phí khác mà Quỹ trả cho Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật. Phí được tính vào mỗi kỳ định giá trong năm dựa trên NAV tại ngày trước ngày định giá.

Giao dịch với Ban Đại diện Quỹ

	2019	2018
	VND	VND
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	251.999.998	180.000.000

Ngoài tiền thù lao theo quy định tại Điều lệ Quỹ, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong đó thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích trọng yếu. Thù lao của thành viên Ban Đại diện Quỹ được ghi nhận là chi phí của Quỹ trong báo cáo thu nhập.

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B06 – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)***Tỷ lệ chứng chỉ Quỹ mà các bên liên quan nắm giữ**

Các bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2019	31/12/2018
Eastspring Investments (Hong Kong) Limited	Cùng thuộc Tập đoàn Eastspring Investments	71,4218%	71,5937%
Đình Bá Thành	Chủ tịch của Ban Đại diện Quỹ	13,5765%	13,6092%
Triệu Thị Ngọc Thắm	Họ hàng của Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ	0,2715%	0,2722%
Lê Nguyên Bình	Nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ	0,0000%	0,1361%
Phan Thị Anh Minh	Nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ	0,1086%	0,1089%
Trần Thị Huệ	Họ hàng của Nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ	N/A	0,0680%
Trần Thập Kiều Quân	Nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ	0,0611%	0,0613%
Trần Trọng Phương Thảo	Nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ	0,0136%	0,0136%
Lê Minh Thủy	Nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ	0,0136%	0,0136%
Nguyễn Thị Hồng Cẩm	Nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ	N/A	0,0020%
Tổng Công Cường	Nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ	0,0014%	0,0014%
		<hr/>	<hr/>
		85,4681%	85,8799%

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
 ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)*

(b) Các hợp đồng then chốt

Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) - Ngân hàng Giám sát

	2019	2018
	VND	VND
Phí dịch vụ lưu ký tài sản	112.824.370	126.285.336
Phí dịch vụ giám sát Quỹ	31.233.195	32.285.717
Phí dịch vụ quản trị Quỹ	54.658.097	56.500.003
Phí dịch vụ đại lý chuyên nhượng	197.482.032	206.253.835
	396.197.694	421.324.891
	396.197.694	421.324.891

Quỹ đã chỉ định Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) (“HSBC”) làm Ngân hàng Lưu ký tài sản và Giám sát hoạt động của Quỹ. HSBC đồng thời được ủy quyền từ Công ty Quản lý Quỹ để cung cấp dịch vụ quản trị Quỹ và dịch vụ đại lý chuyên nhượng cho Quỹ. Theo Điều lệ Quỹ, Quỹ có nghĩa vụ phải thanh toán phí lưu ký, phí giám sát tài sản, phí quản trị quỹ và phí đại lý chuyên nhượng hàng tháng cho tổ chức cung cấp dịch vụ tương ứng. Phí được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV tại ngày trước ngày định giá. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính cho các kỳ định giá trong tháng không nhỏ hơn mức phí tối thiểu và không vượt quá mức phí tối đa, cụ thể mức phí tối đa như sau:

- Phí giám sát là 0,02% NAV/năm.
- Phí lưu ký là 0,06% NAV/năm.
- Phí giao dịch thanh toán bù trừ chứng khoán là 150.000 đồng cho một giao dịch.
- Phí lưu ký trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán (“TTLKCK”) là phí do HSBC thu hàng tháng theo biểu phí của TTLKCK sau đó thanh toán lại cho TTLKCK.
- Phí dịch vụ quản trị Quỹ là 0,035% NAV/năm.
- Phí dịch vụ đại lý chuyên nhượng bao gồm hai nhóm phí như sau:
 - Nhóm phí tính trên giá trị tài sản ròng hoặc giá trị giao dịch gồm:
 - Phí duy trì nhà đầu tư hàng năm là 0,05% NAV/năm.
 - Phí đăng ký mua mới, mua lại, chuyển đổi, chuyển nhượng là 0,03% tính trên giá trị giao dịch mua mới, mua lại, chuyển đổi, chuyển nhượng.
 - Nhóm phí tính trên số lượng thực tế phát sinh gồm:
 - Phí thiết lập dữ liệu nhà đầu tư gồm tạo dữ liệu nhà đầu tư là 15.000 VND mỗi nhà đầu tư và tạo dữ liệu đại lý phân phối là 1.000.000 VND mỗi đại lý.
 - Các chi phí khác như phí gửi thư số lượng lớn, chi phí trả cổ tức, chi phí tính toán và chi trả phí hoa hồng và phí thưởng đại lý.

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

20. Một số chỉ tiêu đánh giá hoạt động Quỹ mở

	2019 VND	2018 VND
I Các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động đầu tư		
<i>Tỷ lệ chi phí hoạt động</i>		
1 Phí quản lý Quỹ/NAV trung bình trong năm của Quỹ (%)	1,50%	1,50%
2 Phí dịch vụ lưu ký và giám sát Quỹ/NAV trung bình trong năm của Quỹ (%)	0,10%	0,11%
3 (Phí dịch vụ quản trị Quỹ, phí đại lý chuyển nhượng và các phí khác)/NAV trung bình trong năm của Quỹ (%)	0,18%	0,18%
4 Chi phí kiểm toán/NAV trung bình trong năm của Quỹ (%)	0,27%	0,26%
5 Thù lao Ban Đại diện Quỹ/NAV trung bình trong năm của Quỹ (%)	0,19%	0,12%
6 Chi phí hoạt động/NAV trung bình trong năm của Quỹ (%)	2,37%	2,31%
<i>Tốc độ vòng quay danh mục</i>		
7 $Tốc\ độ\ vòng\ quay\ danh\ mục\ trong\ năm = (Tổng\ giá\ trị\ danh\ mục\ mua\ vào + tổng\ giá\ trị\ danh\ mục\ bán\ ra) / 2 / NAV\ trung\ bình\ trong\ năm\ của\ Quỹ\ (%)$	31,11%	54,40%
<hr/>		
II Các chỉ tiêu khác		
1 Quy mô Quỹ đầu năm (tính theo mệnh giá chứng chỉ quỹ)		
Tổng số lượng chứng chỉ quỹ lưu hành đầu năm	7.347.986,78	7.360.647,49
Tổng giá trị chứng chỉ quỹ lưu hành đầu năm	73.479.867.800	73.606.474.900
2 Thay đổi quy mô Quỹ trong năm (tính theo mệnh giá chứng chỉ quỹ)		
Số lượng chứng chỉ quỹ phát hành trong năm	247.487,90	957.404,96
Giá trị vốn góp phát hành trong năm (theo mệnh giá)	2.474.879.000	9.574.049.600
Số lượng chứng chỉ quỹ mua lại trong năm	(229.797,52)	(970.065,67)
Giá trị vốn góp mua lại trong năm khi đáp ứng lệnh của nhà đầu tư (theo mệnh giá)	(2.297.975.200)	(9.700.656.700)
3 Quy mô Quỹ cuối năm (tính theo mệnh giá chứng chỉ quỹ)		
Tổng số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối năm	7.365.677,16	7.347.986,78
Tổng giá trị đơn vị quỹ đang lưu hành cuối năm	73.656.771.600	73.479.867.800

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

	2019 VND	2018 VND
4 Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của Công ty Quản lý Quỹ và các bên có liên quan cuối năm (%)	85,4700%	85,8799%
5 Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của 10 nhà đầu tư lớn nhất cuối năm (%)	94,69%	92,53%
6 Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư nước ngoài cuối năm (%)	71,45%	71,63%
7 Số nhà đầu tư tham gia vào quỹ cuối năm	189	211
8 NAV/Chứng chỉ quỹ cuối năm	19.998	17.913

21. Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro mà Quỹ phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Quỹ sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Danh mục đầu tư của Quỹ bao gồm cổ phiếu niêm yết. Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ có toàn quyền trong việc quản lý tài sản của Quỹ theo đúng mục tiêu đầu tư của Quỹ. Danh mục đầu tư của Quỹ được giám sát chặt chẽ nhằm đảm bảo tài sản được phân bổ phù hợp với các quy định hiện hành và điều lệ Quỹ.

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Quỹ phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên đối tác của công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký kết với Quỹ. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu.

Tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn của Quỹ được gửi tại các tổ chức tín dụng có uy tín mà Ban đại diện Quỹ đã phê duyệt và Công ty Quản lý Quỹ cho là sẽ không có bất kỳ khoản tổn thất nào phát sinh từ việc không thực hiện nghĩa vụ của các tổ chức tín dụng này.

Các cổ phiếu niêm yết của Quỹ được giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và thị trường Upcom hoặc với các bên đối tác có chỉ số xếp hạng tín nhiệm cụ thể. Tất cả các hoạt động giao dịch đối với chứng khoán niêm yết được thanh toán hoặc chi trả qua Trung tâm lưu ký chứng khoán và các nhà môi giới đã được chấp thuận. Rủi ro không được trả nợ do đó được xem là rất nhỏ.

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
 ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)*

Các khoản phải thu phản ánh các khoản phải thu từ lãi tiền gửi ngân hàng, cổ tức được nhận và tiền bán chứng khoán phải thu. Công ty Quản lý Quỹ tin rằng không cần thiết phải lập dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu này tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Trạng thái rủi ro tín dụng tối đa mà Quỹ có thể phải chịu bằng với giá trị ghi sổ của tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền và các khoản phải thu.

(b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Quỹ sẽ gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ phải trả tài chính mà các khoản nợ này sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Quỹ là đảm bảo Quỹ luôn có đủ một lượng tiền mặt nhằm để đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn.

Tài sản tài chính của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018 chủ yếu là chứng khoán niêm yết. Các khoản đầu tư của Quỹ vào chứng khoán niêm yết được xem là có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt vì được giao dịch trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và thị trường Upcom. Do đó, Quỹ có thể dễ dàng chuyển đổi các khoản đầu tư của Quỹ thành tiền mặt kịp thời nhằm đáp ứng các nhu cầu thanh khoản của Quỹ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và 2018, thời gian đáo hạn còn lại dựa theo hợp đồng của các khoản nợ phải trả tài chính như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền trước chiết khấu VND	Trong vòng 1 năm VND
Phải trả về mua các khoản đầu tư	3.120.960.429	3.120.960.429	3.120.960.429
Phải trả cho các Đại lý phân phối			
Chứng chỉ Quỹ	2.340.000	2.340.000	2.340.000
Chi phí phải trả	398.488.988	398.488.988	398.488.988
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại			
Chứng chỉ quỹ	463.008.449	463.008.449	463.008.449
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ	218.944.718	218.944.718	218.944.718
	4.203.742.584	4.203.742.584	4.203.742.584

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền trước chiết khấu VND	Trong vòng 1 năm VND
Phải trả về mua các khoản đầu tư	910.824.190	910.824.190	910.824.190
Phải trả cho các Đại lý phân phối			
Chứng chỉ Quỹ	1.260.000	1.260.000	1.260.000
Chi phí phải trả	379.191.021	379.191.021	379.191.021
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại			
Chứng chỉ quỹ	116.674.492	116.674.492	116.674.492
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ	202.119.589	202.119.589	202.119.589
	1.610.069.292	1.610.069.292	1.610.069.292

(c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như lãi suất, tỷ giá hối đoái và giá thị trường sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Quỹ hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Quỹ nắm giữ.

(i) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Quỹ sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ là rất nhỏ vì Quỹ chỉ nắm giữ tiền gửi không kỳ hạn tại ngân hàng và tiền gửi có kỳ hạn với lãi suất cố định.

(ii) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Quỹ bị ảnh hưởng bởi những thay đổi về tỷ giá hối đoái. Quỹ không bị ảnh hưởng bởi rủi ro tiền tệ do các tài sản và các khoản nợ của Quỹ là có gốc tiền tệ là tiền Đồng Việt Nam cũng là đơn vị tiền tệ kế toán của Quỹ.

(iii) Rủi ro giá thị trường

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của công cụ tài chính bị sụt giảm do sự thay đổi của chỉ số thị trường và giá trị của từng loại chứng khoán.

Quỹ đầu tư vào chứng khoán niêm yết mà các chứng khoán này sẽ bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được qui định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, giá trị thị trường của các cổ phiếu niêm yết của Quỹ là 86.656.335.400 VND (31/12/2018: 73.520.459.950 VND). Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, tỷ lệ biến động giữa tháng có chỉ số VN-Index cao nhất và thấp nhất xấp xỉ 10% (cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018: 32%). Nếu giá thị trường của các cổ phiếu này giảm hoặc tăng 10% tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 với tất cả các biến số khác không thay đổi, giá trị tài sản ròng của Quỹ sẽ giảm hoặc tăng tương ứng là 8.665.633.540 VND (31/12/2018: 23.526.547.184 VND).

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B06 – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)***(d) Giá trị hợp lý**

Giá trị hợp lý là giá trị được xác định phù hợp với giá thị trường, có thể nhận được khi bán một tài sản hoặc chuyển nhượng một khoản nợ phải trả tại thời điểm xác định giá trị.

(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của Quỹ:

	31/12/2019		31/12/2018	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính				
<i>Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập</i>				
▪ Chứng khoán niêm yết	86.656.335.400	86.656.335.400	73.520.459.950	73.520.459.950
<i>Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	38.934.891.604	38.934.891.604	22.517.908.788	22.517.908.788
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu</i>				
▪ Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	25.237.302.523	25.237.302.523	35.356.442.305	35.356.442.305
▪ Phải thu về bán các khoản đầu tư	-	-	1.267.822.409	1.267.822.409
▪ Tiền lãi và cổ tức phải thu	676.065.560	676.065.560	572.597.671	572.597.671
<hr/>				
Nợ phải trả tài chính				
<i>Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ</i>				
▪ Phải trả về mua các khoản đầu tư	3.120.960.429	3.120.960.429	910.824.190	910.824.190
▪ Phải trả cho các Đại lý phân phối Chứng chỉ Quỹ	2.340.000	2.340.000	1.260.000	1.260.000
▪ Chi phí phải trả	398.488.988	398.488.988	379.191.021	379.191.021
▪ Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ	463.008.449	463.008.449	116.674.492	116.674.492
▪ Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	218.944.718	218.944.718	202.119.589	202.119.589
<hr/>				

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)*

(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Quỹ sử dụng các phương pháp và giả định sau trong việc ước tính giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng là số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Giá trị hợp lý của cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và thị trường Upcom là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch Chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.
- Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính xấp xỉ giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các công cụ tài chính này có kỳ hạn ngắn.

22. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính dẫn đến yêu cầu phải có điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính của Quỹ.

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B06 - QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC

ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

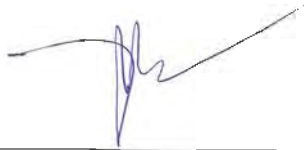
23. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm kết thúc cùng ngày được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt phát hành vào ngày 5 tháng 3 năm 2020

Ngày 5 tháng 3 năm 2020

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

Người lập:



Bà Lê Thị Thúy Phương
Quản lý cấp cao, Bộ phận Quản trị Quỹ

Người duyệt:



Ông Ngô Thế Triệu
Tổng Giám đốc

